**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020**

**QUẢNG NAM** [**Môn: Địa lí – Lớp 11**](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-11/)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**MÃ ĐỀ: 705**

(*Đề gồm có 2 trang*)

**I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)**

**Câu 1:** Nhận xét **không** chính xác về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Nhật Bản là

**A.** sông ngòi ngắn và dốc. **B.** khoáng sản phong phú.

**C.** đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. **D.** địa hình chủ yếu là đồi núi.

**Câu 2:** Khó khăn lớn của Miền Tây Trung Quốc là

**A.** sạt lở, xói mòn mạnh. **B.** khí hậu phân hóa đa dạng.

**C.** nhiều thiên tai bão, lụt. **D.** khí hậu lục địa khắc nghiệt.

**Câu 3:** Trong công nghiệp các nước Đông Nam Á, việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu nhằm

**A.** đào tạo lao động chất lượng cao cho công nghiệp.

**B.** thu hút lao động chất lượng cao từ các nước.

**C.** tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**D.** tích lũy công nghệ mới để công nghiệp phát triển.

**Câu 4:** Cho bảng số liệu

GDP của Trung Quốc và thế giới qua các năm (Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** | **2014** |
| Trung Quốc | 239 | 697,6 | 1649,3 | 6040 | 10701 |
| Thế giới | 12360 | 29357,4 | 40887,8 | 65648 | 78037 |

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

**A.** Từ năm 1985 đến 2014 GDP Trung Quốc tăng gấp 6,31 lần.

**B.** Tỉ trọng GDP của Trung Quốc không thay đổi qua thời gian .

**C.** Quy mô GDP của Trung Quốc ngày nay đứng đầu thế giới.

**D.** tỉ trọng GDP Trung Quốc ngày càng cao trong GDP thế giới.

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

Số khách du lịch quốc tế đến và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực của châu Á năm 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Số khách du lịch đến**  **(nghìn lượt)** | **Chi tiêu của khách du lịch**  **(triệu USD)** |
| Đông Á | 125966 | 219931 |
| Đông Nam Á | 97262 | 70578 |
| Tây Nam Á | 93016 | 94255 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số khách du lịch quốc tế đến và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực của châu Á năm 2014 là?

**A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường.

**C.** Biểu đồ cột ghép. **D.** Biểu đồ kết hợp(cột, đường).

**Câu 6:** Mục tiêu của ASEAN **không** bao gồm

**A.** thúc đẩy kinh tế, văn hóa, giáo dục các nước thành viên .

**B.** xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định.

**C.** xây dựng khu vực đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

**D.** xây dựng khu vực tự do lưu thông dịch vụ giữa các nước.

**Câu 7:** Dân cư Trung Quốc thưa thớt ở vùng

**A.** sơn nguyên Tây Tạng. **B.** đồng bằng ven biển.

**C.** hạ lưu các con sông. **D.** giáp Đông Nam Á.

**Câu 8:** Hệ quả nào sau đây **không đúng** khi tốc độ gia tăng dân số hàng năm của Nhật Bản thấp và đang giảm dần?

**A.** Tỉ lệ người già ngày càng tăng. **B.** Tỉ lệ trẻ em ngày càng giảm.

**C.** Nguồn lao động đông và dồi dào. **D.** Thiếu lao động trong tương lai.

**Câu 9:** Phần phía Đông Trung Quốc giáp biển, mở rộng ra đại dương nào sau đây?

**A.** Ấn Độ Dương. **B.** Bắc Băng Dương. **C.** Thái Bình Dương. **D.** Đại Tây Dương.

**Câu 10:** Mạng lưới sông ngòi dày đặc, đồi núi chiếm diện tích lớn là điều kiện để các nước Đông Nam Á phát triển

**A.** lâm nghiệp. **B.** thủy điện. **C.** thủy sản. **D.** chăn nuôi.

**Câu 11:** Có khí hậu ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết là đặc điểm khí hậu phía nào của Nhật Bản?

**A.** Phía bắc. **B.** Phía nam. **C.** Phía tây. **D.** Phía đông.

**Câu 12:** Các cây công nghiệp cà phê, cao su, hồ tiêu được trồng nhiều ở Đông Nam Á do dựa vào điều kiện

**A.** có khí hậu nóng ẩm, đất feralit màu mỡ.

**B.** quỹ đất cho các cây công nghiệp này lớn.

**C.** thị trường tiêu thụ sản phẩm luôn ổn định.

**D.** truyền thống trồng cây công nghiệp lâu đời.

**Câu 13:** Đông Nam Á có nền văn hoá phong phú, đa dạng là do

**A.** có số dân đông, có nhiều quốc gia. **B.** vị trí tiếp giáp với các đại đương lớn.

**C.** vị trí cầu nối giữa các lục địa lớn. **D.** nơi giao thoa nhiều nền văn hoá lớn.

**Câu 14:** Trung Quốc với chính sách dân số triệt để, mỗi gia đình chỉ có một con dẫn tới

**A.** phân bố dân cư không đều trên cả nước.

**B.** thiếu nguồn lao động trong tương lai.

**C.** hiện đang thiếu hụt nguồn lao động.

**D.** dân số không tăng và được trẻ hóa.

**Câu 15:** Khí hậu cận nhiệt đới ẩm, gió mùa, mưa nhiều thích hợp cho Nhật Bản trồng loại cây chính nào sau đây?

**A.** Lúa gạo. **B.** Chè. **C.** Thuốc lá. **D.** Dâu tằm.

**II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

**Câu 1** **(3,5 điểm)**

a. Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo?

b. Nguyên nhân sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 - 1973?

**Câu 2** **(1,5 điểm)**

Cho bảng số liệu**:**

GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1985- 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** |
| GDP (tỉ USD) | 239,0 | 697,6 | 1649,3 | 5880,0 |
| Số dân (triệu người) | 1070 | 1211 | 1299 | 1347 |

a. Tính thu nhập bình quân theo người của Trung Quốc qua các năm đã cho?

b. Nhận xét sự gia tăng của dân số và GDP của Trung Quốc từ 1985 đến 2010?

----------- HẾT ----------

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020**

**QUẢNG NAM Môn: Địa lí – Lớp 11**

**ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM** (0,33 điểm/1 câu)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | B | **4** | D | **7** | A | **10** | B | **13** | D |
| **2** | D | **5** | C | **8** | C | **11** | A | **14** | B |
| **3** | C | **6** | D | **9** | C | **12** | A | **15** | A |

**HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN TỰ LUẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | | | | | | **Điểm** | |
| **Câu 1** | **a. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo** | | | | | | | **2 điểm** | |
| **Đông Nam Á lục địa** | | | | | | |  | |
| -Địa hình bị chia cắt mạnh: Chủ yếu là đồi núi hướng TB-ĐN hoặc hướng B-N. Ven biển có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ. | | | | | | | 0,5 | |
| -Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Bắc Mianma, bắc Việt Nam có mùa đông lạnh. | | | | | | | 0,5 | |
| -Sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn:sông Mê Công, sông Hồng. | | | | | | | 0,25 | |
| **Đông Nam Á biển đảo** | | | | | | |  | |
| -Địa hình gồm nhiều đảo, nhiều đồi núi và núi lửa, ít đồng bằng. | | | | | | | 0,25 | |
| -Khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo. | | | | | | | 0,25 | |
| -Sông ngòi ngắn và dốc | | | | | | | 0,25 | |
| *Học sinh trình bày các đặc điểm tự nhiên khác đúng vẫn cho 0,25 điểm/1 ý nhưng tổng điểm phần này không quá 2 điểm.* | | | | | | |  | |
| **b. Nguyên nhân sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 - 1973?** | | | | | | | **1,5điểm** | |
| - Chú trọng đầu tư hiện đại hoá công nghiệp, tăng vốn đầu tư, áp dụng kĩ thuật mới. | | | | | | | 0,5 | |
| - Tập trung cao độ phát triển các ngành công nghệp then chốt, trọng điểm theo thời gian. | | | | | | | 0,5 | |
| - Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng : vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công. | | | | | | | 0,5 | |
| **Câu 2** | **a. Tính thu nhập bình quân theo người của Trung Quốc qua các năm đã cho** | | | | | | | **0,5điểm** | |
| Đơn vị USD/ người | | | | | | |  | |
|  |  | | | | | |  |  |
|  | Năm | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** |
| USD/ người | **223,4** | **576,0** | **1269,7** | **4365,3** |
|  | | | | |
| *Tính đúng 2 năm được 0,25, tính đúng từ 3 đến 4 năm : 0,5 điểm*. *Tính đúng chỉ 1 năm: không cho điểm* | | | | | |  |
| **b. Nhận xét:** | | | | | | | **1 điểm** | |
| - Từ năm 1985 đến 2010 cả GDP và dân số đều liên tục tăng . | | | | | | | 0,25 | |
| - GDP có tốc độ tăng nhanh hơn dân số | | | | | | | 0,25 | |
| + GDP tăng gấp 24,6 lần, còn dân số chỉ tăng gấp 1,25 lần. | | | | | | | 0,25 | |
| + Điều này làm cho GDP/ người cũng tăng nhanh: 19,5 lần. | | | | | | | 0,25 | |

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020**

**QUẢNG NAM** [**Môn: Địa lí – Lớp 11**](https://thuvienhoclieu.com/tai-lieu-dia-li/tai-lieu-dia-li-lop-11/)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 45 phút *(không kể thời gian giao đề)*

**MÃ ĐỀ: 706**

(*Đề gồm có 2 trang*)

**I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)**

**Câu 1:** Trung Quốc với chính sách dân số triệt để mỗi gia đình chỉ có một con đã dẫn tới

**A.** phân bố dân cư không đều trên cả nước.

**B.** tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm dần.

**C.** dân số không gia tăng và được trẻ hóa.

**D.** hiện đang thiếu hụt nguồn lao động.

**Câu 2:** Sản phẩm từ cây công nghiệp của các nước Đông Nam Á chủ yếu để

**A.** làm nguồn thức ăn cho chăn nuôi. **B.** làm nguyên liệu cho công nghiệp.

**C.** phục vụ xuất khẩu thu ngoại tệ. **D.** phục vụ nhu cầu tiêu thụ tại chổ.

**Câu 3:** Cho bảng số liệu

Số khách du lịch quốc tế đến và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực của châu Á năm 2014

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Số khách du lịch đến**  **(nghìn lượt)** | **Chi tiêu của khách du lịch**  **(triệu USD)** |
| Đông Á | 125966 | 219931 |
| Đông Nam Á | 97262 | 70578 |
| Tây Nam Á | 93016 | 94255 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số khách du lịch quốc tế đến và chi tiêu của khách du lịch ở một số khu vực của châu Á năm 2014 là?

**A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ cột ghép. **D.** Biểu đồ tròn.

**Câu 4:** Sản phẩm của các ngành công nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử ở các nước Đông Nam Á đã có sức cạnh tranh và trở thành thế mạnh là nhờ

**A.** được đầu tư vốn lớn nhằm đẩy mạnh sản xuất.

**B.** nhập công nghệ từ nước ngoài vào để sản xuất.

**C.** liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.

**D.** nghiên cứu ứng dụng công nghệ để sản xuất.

**Câu 5:** Điều kiện khí hậu nào tạo thuận lợi cho việc trồng lúa gạo ở Nhật Bản?

**A.** Khí hậu mang tính hải dương. **B.** Khí hậu nhiệt đới gió mùa.

**C.** Khí hậu cận nhiệt gió mùa. **D.** Khí hậu ôn đới gió mùa.

**Câu 6:** Có khí hậu cận nhiệt đới, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng thường có mưa to và bão là đặc điểm khí hậu phía nào của Nhật Bản?

**A.** Phía đông. **B.** Phía bắc. **C.** Phía tây. **D.** Phía nam.

**Câu 7:** Nhận xét **không đúng** về tình hình dân số của Nhật Bản là

**A.**  tốc độ gia tăng dân số cao và đang tăng dần.

**B.**  tỉ lệ trẻ em đang có xu hướng giảm dần.

**C.**  tỉ lệ người già trong dân cư ngày càng lớn.

**D.**  đông dân, tập trung ở các thành phố ven biển.

**Câu 8:** Tình trạng ngập lụt diễn ra nặng nề nhất ở đồng bằng nào sau đây của Trung Quốc?

**A.** Đồng bằng Hoa Trung. **B.** Đồng bằng Hoa Bắc.

**C.** Đồng bằng Hoa Nam. **D.** Đồng bằng Đông Bắc.

**Câu 9:** Diện tích rừng Đông Nam Á lớn nhưng đang bị thu hẹp chủ yếu do

**A.** trái đất nóng lên nước biển dâng. **B.** cháy rừng và khai thác không hợp lí.

**C.** các hoạt động của du lịch sinh thái. **D.** sạt lở, môi trường nước ô nhiễm.

**Câu 10:** Cho bảng số liệu

GDP của Trung Quốc và Thế giới qua các năm (Đơn vị: tỉ USD)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** | **2014** |
| Trung Quốc | 239 | 697,6 | 1649,3 | 6040 | 10701 |
| Thế giới | 12360 | 29357,4 | 40887,8 | 65648 | 78037 |

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

**A.** GDP của Trung Quốc tăng chậm hơn GDP của toàn thế giới.

**B.** Từ năm 1985 đến 2014 GDP Trung Quốc tăng gấp 44,8 lần.

**C.** GDP của Trung Quốc tăng không liên tục qua các năm trên.

**D.** Quy mô GDP của Trung Quốc ngày nay đứng đầu thế giới.

**Câu 11:** Mục tiêu của ASEAN **không** bao gồm

**A.** thúc đẩy kinh tế, văn hóa, giáo dục các nước thành viên .

**B.** xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định.

**C.** xây dựng khu vực đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

**D.** xây dựng khu vực tự do lưu thông tiền vốn giữa các nước.

**Câu 12:** Một trong những hạn chế lớn của lao động các nước Đông Nam Á là

**A.** thiếu lao động chuyên môn cao. **B.** lao động không cần cù, siêng năng.

**C.** phân bố chủ yếu ở nông thôn. **D.** lao động trẻ, kém năng động.

**Câu 13:** Địa hình Nhật Bản có đặc điểm

**A.** đồng bằng chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, núi thấp.

**B.** núi tập trung chủ yếu ở phía đông, đồng bằng ở phía tây.

**C.** núi cao tập trung ở phía Bắc, phía Nam là đồng bằng.

**D.** núi chiếm phần lớn diện tích, đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

**Câu 14:** Điểm nào sau đây **không đúng** với dân cư và xã hội Trung Quốc?

**A.** Truyền thống cần cù, sáng tạo. **B.** Phát minh ra giấy, thuốc súng.

**C.** Có rất ít thành phần dân tộc. **D.** Chú ý đầu tư phát triển giáo dục.

**Câu 15:** Miền ĐôngTrung Quốc nổi tiếng về loại khoáng sản gì?

**A.** Kim loại màu. **B.** Các nhiên liệu. **C.** Phi kim loại. **D.** Kim loại đen.

**II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

**Câu 1** **(3,5 điểm)**

a. Nêu đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo?

b. Nguyên nhân sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 - 1973?

**Câu 2** **(1,5 điểm)**

Cho bảng số liệu**:**

GDP VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1985- 2010

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** |
| GDP (tỉ USD) | 239,0 | 697,6 | 1649,3 | 5880,0 |
| Số dân (triệu người) | 1070 | 1211 | 1299 | 1347 |

a. Tính thu nhập bình quân theo người của Trung Quốc qua các năm đã cho?

b. Nhận xét sự gia tăng của dân số và GDP của Trung Quốc từ 1985 đến 2010?

----------- HẾT ----------

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020**

**QUẢNG NAM Môn: Địa lí – Lớp 11**

**ĐÁP ÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM** (0,33 điểm/1 câu)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | B | **4** | C | **7** | A | **10** | B | **13** | D |
| **2** | C | **5** | C | **8** | C | **11** | D | **14** | C |
| **3** | C | **6** | D | **9** | B | **12** | A | **15** | A |

**HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN TỰ LUẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | | | | | | | **Điểm** | |
| **Câu 1** | **a. Đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo** | | | | | | | **2 điểm** | |
| **Đông Nam Á lục địa** | | | | | | |  | |
| -Địa hình bị chia cắt mạnh: Chủ yếu là đồi núi hướng TB-ĐN hoặc hướng B-N. Ven biển có nhiều đồng bằng phù sa màu mỡ. | | | | | | | 0,5 | |
| -Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Bắc Mianma, bắc Việt Nam có mùa đông lạnh. | | | | | | | 0,5 | |
| -Sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn:sông Mê Công, sông Hồng. | | | | | | | 0,25 | |
| **Đông Nam Á biển đảo** | | | | | | |  | |
| -Địa hình gồm nhiều đảo, nhiều đồi núi và núi lửa, ít đồng bằng. | | | | | | | 0,25 | |
| -Khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo. | | | | | | | 0,25 | |
| -Sông ngòi ngắn và dốc | | | | | | | 0,25 | |
| *Học sinh trình bày các đặc điểm tự nhiên khác đúng vẫn cho 0,25 điểm/1 ý nhưng tổng điểm phần này không quá 2 điểm.* | | | | | | |  | |
| **b. Nguyên nhân sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản giai đoạn 1950 - 1973?** | | | | | | | **1,5điểm** | |
| - Chú trọng đầu tư hiện đại hoá công nghiệp, tăng vốn đầu tư, áp dụng kĩ thuật mới. | | | | | | | 0,5 | |
| - Tập trung cao độ phát triển các ngành công nghệp then chốt, trọng điểm theo thời gian. | | | | | | | 0,5 | |
| - Duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng : vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì các cơ sở sản xuất nhỏ, thủ công. | | | | | | | 0,5 | |
| **Câu 2** | **a. Tính thu nhập bình quân theo người của Trung Quốc qua các năm đã cho** | | | | | | | **0,5điểm** | |
| Đơn vị USD/ người | | | | | | |  | |
|  |  | | | | | |  |  |
|  | Năm | **1985** | **1995** | **2004** | **2010** |
| USD/ người | **223,4** | **576,0** | **1269,7** | **4365,3** |
|  | | | | |
| *Tính đúng 2 năm được 0,25, tính đúng từ 3 đến 4 năm : 0,5 điểm*. *Tính đúng chỉ 1 năm: không cho điểm* | | | | | |  |
| **b. Nhận xét:** | | | | | | | **1 điểm** | |
| - Từ năm 1985 đến 2010 cả GDP và dân số đều liên tục tăng . | | | | | | | 0,25 | |
| - GDP có tốc độ tăng nhanh hơn dân số | | | | | | | 0,25 | |
| + GDP tăng gấp 24,6 lần, còn dân số chỉ tăng gấp 1,25 lần. | | | | | | | 0,25 | |
| + Điều này làm cho GDP/ người cũng tăng nhanh: 19,5 lần. | | | | | | | 0,25 | |